

## NĂNG LỰC SONG NGỮ CỦA HỌC SINH KHMER (KHẢO SÁT Ở TỈNH SÓC TRĂNG VÀ TRÀ VINH)

HỒ XUÂN MAI

### TÓM TẮT

*Năng lực song ngữ (Việt-Khmer) của học sinh Khmer ở Sóc Trăng và Trà Vinh hiện nay chưa thật sự tốt, chưa tương ứng với sự đầu tư của xã hội cũng như mong muốn của gia đình và bản thân các em. Nguyên nhân vì sao? Những yếu tố nào đã khiến cho các em sử dụng không tốt cả tiếng mẹ đẻ lẫn tiếng Việt? Làm cách nào để khắc phục hạn chế này? Chính sách ngôn ngữ đóng vai trò gì trong trường hợp này? Chương trình giáo dục phổ thông, cụ thể là giáo dục song ngữ của chúng ta có chỗ nào chưa ổn khiến cho kết quả giáo dục song ngữ chưa đạt? Chúng ta phải điều chỉnh chính sách ngôn ngữ, chính sách giáo dục như thế nào và khi nào trong tương lai, năng lực song ngữ của học sinh khu vực này được cải thiện? Đây là những vấn đề được đề cập trong bài viết này.*

### 1. DẪN NHẬP

Học sinh người Khmer ở Sóc Trăng và Trà

---

Hồ Xuân Mai. Tiến sĩ. Trung tâm Nghiên cứu Văn hóa học Viện Phát triển bền vững vùng Nam Bộ.

Bài viết là kết quả rút ra từ đề tài cấp Bộ “Một số vấn đề về chính sách ngôn ngữ đối với cộng đồng người Khmer trong phát triển bền vững vùng Nam Bộ”, do Hồ Xuân Mai làm chủ nhiệm, thuộc Chương trình “Nghiên cứu Nam Bộ 2011-2012” (CT11-22) Viện Phát triển bền vững vùng Nam Bộ chủ trì.

Vinh hiện nay phải học ba thứ tiếng Việt, Khmer và tiếng Anh. Như vậy, so với những học sinh cùng lứa tuổi, học sinh Khmer gặp không ít khó khăn. Tuy nhiên, hầu hết các em đều cố gắng để có được kết quả tốt nhằm phục vụ cho bản thân cũng như xã hội sau này. Đây là một nỗ lực đáng ghi nhận ở đối tượng. Hầu hết các em đều yêu thích ba môn này, dù mức độ có khác nhau. Kết quả khảo sát ngẫu nhiên 100 em học sinh bậc trung học cơ sở ở Sóc Trăng và 100 em cùng bậc học ở Trà Vinh cho thấy hơn hai phần ba các em thích học môn tiếng Anh, phần lớn còn lại là tiếng Việt. Với tiếng Khmer, con số khiêm tốn hơn. Về chất lượng, như sẽ thấy trong phần tiếp theo, là rất đáng lo ngại: hầu hết các em đều sử dụng tiếng Anh dưới trung bình, ở tất cả các kỹ năng, dù trong ba ngôn ngữ, đây là môn học các em thích nhất. Ở hai môn còn lại, kết quả khảo sát cho thấy các em sử dụng tiếng Việt tốt hơn so với tiếng mẹ đẻ ở cả hai kỹ năng nói và viết nhưng cũng chỉ ở mức độ *dưới trung bình*. Và như vậy, ở cả ba môn tiếng Việt, Anh và Khmer, các em đều sử dụng dưới trung bình.

Địa bàn khảo sát của chúng tôi là thành phố Sóc Trăng (các trường Phổ thông Dân tộc nội trú Huỳnh Cương và trường Trung học Cơ sở Pôthi) và huyện Long Phú của Sóc Trăng; thành phố Trà Vinh và huyện Cầu Kè. Chúng tôi chọn hai biến độc lập là học sinh nam và học sinh nữ để khảo sát.

Sở dĩ chúng tôi chọn những địa phương này là vì ở đây có nhiều người Khmer sinh sống, với mật độ tương đối cao và số học sinh cũng tương đối nhiều. Cụ thể như sau: thành phố Sóc Trăng có 31.913 người; Long Phú có 53.680 người<sup>(1)</sup>; thành phố Trà Vinh có 19.718 người và huyện Cầu Kè là 35.714 người<sup>(2)</sup>. Về độ tuổi của đối tượng, chúng tôi chỉ tập trung hỏi những học sinh từ 15 đến 18 tuổi, tương ứng từ lớp 9 đến lớp 12. Xin nói thêm, đây là kết quả được trích từ đề tài cấp Bộ “*Một số vấn đề về chính sách ngôn ngữ đối với cộng đồng người Khmer trong phát triển bền vững vùng Nam bộ*” thuộc chương trình CT 11.22.06 của chúng tôi. Tuy nhiên,

trong khuôn khổ của một bài báo, chúng tôi chỉ trình bày tóm tắt một phần của kết quả khảo sát được.

## 2. NĂNG LỰC SONG NGỮ CỦA HỌC SINH KHMER BẬC TRUNG HỌC CƠ SỞ

### 2.1. Đối với học sinh không học trường Dân tộc Nội trú

Đặc điểm của học sinh trong các trường không nội trú là các em học một hoặc hai buổi/ngày, thời gian còn lại các em sinh hoạt với gia đình hoặc/và cộng đồng nên điều kiện để các em sử dụng tiếng mẹ đẻ và tiếng Việt có những chỗ khác với những học sinh nội trú. Kết quả khảo sát qua bảng hỏi cho phép chúng ta có một cái

*Bảng 1a. Năng lực song ngữ của học sinh Khmer (không nội trú) ở khu vực nông thôn trong giao tiếp ở trường*

| Giao tiếp với đối tượng<br>(1) | Mức độ (%)             |                       |                           |                      |                       |
|--------------------------------|------------------------|-----------------------|---------------------------|----------------------|-----------------------|
|                                | Hoàn toàn Khmer<br>(2) | Phần lớn Khmer<br>(3) | Nửa Khmer nửa Việt<br>(4) | Phần lớn Việt<br>(5) | Hoàn toàn Việt<br>(6) |
| Học sinh Khmer                 | 0 HS=0                 | 80HS = 80             | 20HS=20                   | 0 HS=0               | 0 HS=0                |
| Học sinh Việt                  | 0 HS=0                 | 0 HS=0                | 0 HS=0                    | 0 HS=0               | 100HS=100             |
| Giáo viên Khmer                | 0 HS=0                 | 95HS = 95             | 5HS = 5                   | 0 HS=0               | 0 HS=0                |
| Giáo viên Việt                 | 0 HS=0                 | 0 HS=0                | 0 HS=0                    | 0 HS=0               | 100HS=100             |

*Bảng 1b. Năng lực song ngữ của học sinh Khmer (không nội trú) ở khu vực thành thị trong giao tiếp ở trường*

| Giao tiếp với đối tượng<br>(1) | Mức độ (%)             |                       |                           |                      |                       |
|--------------------------------|------------------------|-----------------------|---------------------------|----------------------|-----------------------|
|                                | Hoàn toàn Khmer<br>(2) | Phần lớn Khmer<br>(3) | Nửa Khmer nửa Việt<br>(4) | Phần lớn Việt<br>(5) | Hoàn toàn Việt<br>(6) |
| Học sinh Khmer                 | 0 HS=0                 | 60HS = 60             | 40HS=40                   | 0 HS=0               | 0 HS=0                |
| Học sinh Việt                  | 0 HS=0                 | 0 HS=0                | 0 HS=0                    | 0 HS=0               | 100HS=100             |
| Giáo viên Khmer                | 0 HS=0                 | 90HS = 90             | 10HS = 10                 | 0 HS=0               | 0 HS=0                |
| Giáo viên Việt                 | 0 HS=0                 | 0 HS=0                | 0 HS=0                    | 0 HS=0               | 100HS=100             |

nhìn toàn diện về năng lực ngôn ngữ của đối tượng.

1. “Ở trường, khi giao tiếp với các học sinh Khmer, học sinh người Việt; giáo viên người Khmer và giáo viên là người Việt, bạn thường sử dụng ngôn ngữ nào? Mức độ?”.

Cũng câu hỏi trên, chúng tôi khảo sát 100 học sinh ở hai trường Pôthi (thành phố Sóc Trăng) và trường Lý Tự Trọng (thành phố Trà Vinh), kết quả như Bảng 1b.

Từ kết quả trên, chúng tôi có mấy nhận xét sau:

Một, các em học sinh Khmer không thể sử dụng hoàn toàn tiếng mẹ đẻ trong giao tiếp ở trường. Có ba lý do dẫn đến tình trạng này. Thứ nhất, rất nhiều từ ngữ cũng như nội dung trong sách giáo khoa không thể diễn đạt bằng tiếng Khmer hoặc không có trong ngôn ngữ này. Thứ hai, rất nhiều trường hợp các em không biết trong tiếng mẹ đẻ có những từ ngữ tương ứng vì ngay từ nhỏ, các em đã không được nghe hoặc/ và sử dụng nên các em phải sử dụng tiếng Việt. Thứ ba, các em học chung với học sinh người

Việt nên chắc chắn không thể sử dụng hoàn toàn tiếng Khmer.

Hai, cột (2) và cột (6) trong cả hai bảng trên đối lập nhau. Nếu cột (6) chúng ta

thấy có hai ô 0% (giao tiếp giữa học sinh Khmer với học sinh và giáo viên là người Khmer) thì ở cột (2) chỉ có một con số là 0%. Điều này cho phép chúng ta kết luận là cơ hội để học sinh Khmer sử dụng tiếng mẹ đẻ ít hơn so với cơ hội sử dụng tiếng Việt.

Ba, trong cả hai bảng, chỉ hai cột (3) và (4) là có sự thay đổi và đó là sự thay đổi theo hướng tăng tỷ lệ học sinh Khmer sử dụng tiếng Việt. Điều này cho phép chúng ta kết luận rằng học sinh Khmer ở khu vực thành thị sử dụng tiếng Việt nhiều hơn so với các bạn ở khu vực nông thôn.

2. “Khi giao tiếp với cộng đồng, bạn thường sử dụng ngôn ngữ nào? Mức độ?”

Chúng tôi cũng tiến hành khảo sát ở hai khu vực nông thôn và thành thị và kết quả như Bảng 1c.

2.2. Đối với học sinh trường dân tộc nội trú

Số lượng trường trung học cơ sở dân tộc nội trú của hai tỉnh Sóc Trăng và Trà Vinh không nhiều. Ở Trà Vinh có ba huyện có loại hình trường này là Cầu Kè, Trà Cú và Cầu Ngang. Sóc Trăng có năm huyện có

Bảng 1c. Năng lực song ngữ của học sinh Khmer (không nội trú) ở khu vực nông thôn trong giao tiếp cộng đồng

| Giao tiếp với đối tượng<br>(1) | Mức độ (%)                |                          |                              |                         |                          |
|--------------------------------|---------------------------|--------------------------|------------------------------|-------------------------|--------------------------|
|                                | Hoàn toàn<br>Khmer<br>(2) | Phần lớn<br>Khmer<br>(3) | Nửa Khmer<br>nửa Việt<br>(4) | Phần lớn<br>Việt<br>(5) | Hoàn toàn<br>Việt<br>(6) |
| Với người Việt                 | 0                         | 0                        | 0                            |                         | 100                      |
| Với ông bà/cha mẹ              | 100                       | 0                        | 0                            | 0                       | 0                        |
| Với anh/chị em                 | 95                        | 95                       | 0                            | 0                       | 0                        |
| Với bạn bè là người Khmer      | 95                        | 95                       | 0                            | 0                       | 0                        |
| Với bạn bè là người Việt       | 0                         | 0                        | 0                            | 0                       | 100                      |
| Với những người Việt khác      | 0                         | 0                        | 0                            | 0                       | 100                      |

loại hình trường dân tộc nội trú là Long Phú, Huỳnh Cương, Trần Đề, Mỹ Tú và huyện Ngã Năm. Chúng tôi chọn Trường Dân tộc Nội trú Cầu Kè (huyện Cầu Kè, Trà Vinh) và Trường Dân tộc Nội trú Long Phú (huyện Long Phú, Sóc Trăng) để khảo sát, vì ở hai trường này số học sinh Khmer tương đối nhiều hơn so với những trường dân tộc nội trú khác. Chúng tôi cũng sử dụng câu hỏi ở trên để hỏi và kết quả như Bảng 2a:

Cũng câu hỏi trên, chúng tôi khảo sát 100 học sinh ở hai trường Dân tộc Nội trú Huỳnh Cương (thành phố Sóc Trăng) và Trường Dân tộc Nội trú Trà Vinh (thành phố Trà Vinh), kết quả như Bảng 2b.

Kết quả trên cho chúng ta những nhận xét như sau:

**Một,** học sinh Khmer trong các trường dân tộc nội trú có nhiều cơ hội sử dụng tiếng mẹ đẻ nhưng trên thực tế số học sinh sử dụng tiếng mẹ đẻ không tăng bao nhiêu (so sánh bốn bảng trên).

**Hai,** khả năng sử dụng tiếng mẹ đẻ của học sinh dân tộc nội trú Khmer ở khu vực thành thị ít

hơn so với học sinh Khmer không học trong các trường dân tộc nội trú trong cùng một khu vực.

### 3. NĂNG LỰC SONG NGỮ CỦA HỌC SINH KHMER BẬC PHỔ THÔNG TRUNG HỌC

#### 3.1. Đối với học sinh không học trường dân tộc nội trú

Học sinh Khmer không thể sử dụng tiếng Khmer với học sinh Việt là điều tất nhiên. Nhưng với các bạn học sinh Khmer, các em cũng không thể sử dụng 100% ngôn ngữ của dân tộc mình để giao tiếp, bởi có rất nhiều nội dung cần phải sử dụng tiếng Việt thì mới có thể giao tiếp, trao đổi được. Thêm vào đó, do áp lực cộng đồng, của

*Bảng 2a. Năng lực song ngữ của học sinh Khmer (nội trú) ở khu vực nông thôn*

| Giao tiếp với đối tượng (1) | Mức độ (%)          |                    |                        |                   |                          |
|-----------------------------|---------------------|--------------------|------------------------|-------------------|--------------------------|
|                             | Hoàn toàn Khmer (2) | Phần lớn Khmer (3) | Nửa Khmer nửa Việt (4) | Phần lớn Việt (5) | Hoàn toàn Việt (6)       |
| HSK                         | 0 HS=0              | 90HS = 90          | 10HS=10                | 0 HS=0            | 0 HS=0                   |
| HSV                         | 0 HS=0              | 0 HS=0             | 0 HS=0                 | 0 HS=0            | 100HS=100 <sup>(3)</sup> |
| GVK                         | 0 HS=0              | 90HS = 90          | 10HS = 10              | 0 HS=0            | 0 HS=0                   |
| GVV                         | 0 HS=0              | 0 HS=0             | 0 HS=0                 | 0 HS=0            | 100HS=100                |

*Bảng 2b. Năng lực song ngữ của học sinh Khmer (nội trú) ở khu vực thành thị*

| Giao tiếp với đối tượng (1) | Mức độ (%)          |                    |                        |                   |                    |
|-----------------------------|---------------------|--------------------|------------------------|-------------------|--------------------|
|                             | Hoàn toàn Khmer (2) | Phần lớn Khmer (3) | Nửa Khmer nửa Việt (4) | Phần lớn Việt (5) | Hoàn toàn Việt (6) |
| HSK                         | 0 HS=0              | 90HS = 90          | 10HS=10                | 0 HS=0            | 0 HS=0             |
| HSV                         | 0 HS=0              | 0 HS=0             | 0 HS=0                 | 0 HS=0            | 100HS=100          |
| GVK                         | 0 HS=0              | 95HS = 95          | 5HS = 5                | 0 HS=0            | 0 HS=0             |
| GVV                         | 0 HS=0              | 0 HS=0             | 0 HS=0                 | 0 HS=0            | 100HS=100          |

nhà trường, ảnh hưởng tâm lý, v.v. nên trong trường học, các em học sinh Khmer càng lúc càng ít sử dụng tiếng Khmer của dân tộc mình.

So sánh tiếng Việt và tiếng Khmer, chúng ta thấy thời gian các em sử dụng tiếng Việt nhiều hơn so với thời gian sử dụng tiếng Khmer. Nguyên nhân là vì có những nội dung không thể sử dụng tiếng Khmer để trao đổi: trong ngôn ngữ này không có nhiều từ ngữ diễn đạt các nội dung khoa học như tiếng Việt.

Với nội dung môn học và với thầy cô giáo là người Việt thì việc các em phải sử dụng tiếng Việt để giao tiếp, tiếp thu là bắt buộc. Thế nhưng, trong các buổi sinh hoạt ở trường các em cũng sử dụng tiếng Việt nhiều hơn tiếng Khmer là một vấn đề cần lưu ý. Giải thích vì sao mình sử dụng tiếng Việt nhiều hơn tiếng Khmer, các em đều có chung một ý kiến là nếu sử dụng tiếng Khmer thì các bạn học sinh người Việt không hiểu và như vậy, họ sẽ không tham gia trong các hoạt động tập thể. Do đó, các em phải sử dụng tiếng Việt. Hơn nữa, nếu sử dụng tiếng Khmer thì các em sẽ không biết phải diễn đạt như thế nào, bởi vốn từ tiếng Khmer của các em rất ít.

Nếu hỏi thêm rằng sử dụng như thế có cảm thấy khó chịu không thì hầu hết đều trả lời là “không” hoặc “lâu dần rồi quen”. Sử dụng ngôn ngữ quốc gia là một yêu cầu bắt buộc đối với tất cả các dân tộc sinh sống ở quốc gia đó. Tuy nhiên, với độ tuổi này mà các em sử dụng tiếng mẹ đẻ quá ít thì sau này khả năng sử dụng tiếng mẹ đẻ để phát triển cộng đồng không thể tốt được. Chúng tôi yêu cầu các em nghe đọc và viết một đoạn văn sau bằng tiếng Việt (viết chính tả) và sau đó chuyển sang

tiếng Khmer: *“Lăn ông biết tin con người thuyền chài bị bệnh nặng, không có tiền chữa, ông bèn đến thăm. Ông không ngại khổ, ân cần chăm sóc đưa bé suốt một tháng trời và chữa khỏi bệnh cho nó. Khi chữa xong, ông còn cho thêm gạo, củ”* (Trích: *Thầy thuốc như mẹ hiền*, in trong “Giải bài tập tiếng Việt lớp 5”, của Trần Quỳnh Giao-Võ Thị Lan-Nguyễn Lê Tuyết Mai. 2008, tập 1. Nxb. Tổng hợp TPHCM, trang 174).

Có 6 trong số 10 em tham gia viết sai tiếng Việt (gần 60%) và 10/10 em viết sai tiếng Khmer (100%) và 3 trong số đó hoàn toàn không viết được bằng chữ Khmer.

Một điểm lưu ý khác là các em thích học tiếng Anh hơn cả tiếng mẹ đẻ lẫn tiếng Việt và tỷ lệ này cao gần gấp đôi. Các em giải thích nguyên nhân vì sao không thích học tiếng Việt: thứ tiếng này vừa khó học lại vừa khó tìm việc làm cho nên các em chỉ học đủ để làm bài kiểm tra và thi cử, *tức chỉ đối phó*. Với tiếng Khmer cũng vậy. Hầu hết các em đều cho rằng học tiếng Khmer sẽ không có cơ hội tìm việc làm và *vì chữ Khmer khó viết hơn chữ Việt nên hầu hết các em đều rất sợ môn này*.

Còn một nguyên nhân khác rất bất ngờ và cũng đáng để chúng ta suy nghĩ: các em quan niệm rằng học tiếng Việt hoặc/và tiếng Khmer nếu không biết, không hiểu thì không biết hỏi ai, bởi khi ở nhà, thường phụ huynh cũng không biết tiếng Việt còn với tiếng Khmer thì phần lớn chỉ biết nói mà không biết viết. Lúc đó, các em phải “chấp nhận rủi ro”. Trong khi đó, học tiếng Anh, ngoài khả năng sẽ có rất nhiều cơ hội để tìm việc làm<sup>(4)</sup>, thì nếu không hiểu thì có thể nhờ giáo viên ở các lớp học thêm giúp

đỡ. Một nguyên nhân nữa cũng không kém phần quan trọng là rất nhiều em cho rằng học tiếng Anh giỏi sẽ có cơ hội tìm học bổng để học lên cao hơn<sup>(5)</sup>. Như vậy, với ba ngôn ngữ bắt buộc như trên thì tiếng Anh vừa là mục đích vừa là cứu cánh của các em còn với tiếng Việt và tiếng mẹ đẻ của các em, đó là những ngôn ngữ chỉ học vì *trách nhiệm*, vì phải học để lên lớp chứ thực ra *các em không hề say mê, kỳ vọng gì vào đó*. Thêm vào đó, học sinh Khmer chỉ có thể sử dụng tiếng Khmer trong phạm vi cộng đồng người Khmer; ra khỏi phạm vi này các em phải sử dụng tiếng Việt; thậm chí, với tiếng Anh, các em còn có phạm vi sử dụng rộng hơn, cho nên, thời gian và cơ hội sử dụng tiếng Khmer ở học sinh Khmer bị hạn chế rất lớn. Vậy thì, trong trường hợp này, vai trò của chính sách ngôn ngữ như thế nào? Chính sách ngôn ngữ đúng nhưng điều kiện để thực hiện không có thì chắc chắn chính sách đó cũng sẽ rơi vào bế tắc.

Gần như tất cả các kỹ năng đều khó đối với các em. Điều này cũng có nghĩa là năng lực ngôn ngữ của các em còn rất nhiều hạn chế, đặc biệt là với tiếng Anh. Chúng ta có thể lý giải trên cơ sở xã hội của vấn đề. Dù ở mức độ nào thì với các em, tiếng Việt cũng đã được nghe nói từ nhỏ, gần như cùng lúc với tiếng mẹ đẻ nên các kỹ năng trên tuy có khó khăn khi tiếp xúc nhưng không phải là mối lo của các em. Còn với tiếng Anh, các em chỉ được học ở trường, khi mà các ngôn ngữ Việt và Khmer gần như đã hoàn chỉnh, đã đủ số từ vựng để diễn đạt các nội dung cần thiết. Cho nên, các em cảm thấy rất khó khi tiếp cận ngôn ngữ này. Vậy tại sao các em lại thích môn tiếng Anh hơn? Rõ ràng, áp lực

xã hội, áp lực của việc phải tìm được công việc làm sau này. Một yếu tố khác cũng vô cùng quan trọng khiến cho các em thích môn tiếng Anh là sự tác động của gia đình. Các bậc phụ huynh tuy không hiểu nhiều về thứ ngôn ngữ này nhưng nhận thức xã hội và qua thực tế, chắc chắn họ đã có những tác động, làm ảnh hưởng đến tâm lý của con em mình.

Như vậy, với tiếng mẹ đẻ, trừ khả năng nói, khả năng viết chỉ ở mức dưới trung bình, giống với khả năng viết tiếng Anh của chính các em. Điều này có lý do của nó: ở nhà, hầu hết những người lớn tuổi đều không biết viết; bản thân các em cũng chỉ được học viết ở trường, với một thời lượng ít thì làm sao các em có thể viết tốt được?

Ý kiến của các em không giống nhau nhưng chắc chắn học sinh Khmer tiếp thu bài sẽ khó khăn hơn. Cơ sở để chúng ta nhận xét như vậy là vì: *Một*, kết quả khảo sát ở cả hai biến độc lập đều có kết quả từ 50% trở lên và đều rơi vào đối tượng là học sinh Khmer. Như vậy, *độ tin cậy* tương đối cao. *Hai*, vì phải mượn một ngôn ngữ khác tiếng mẹ đẻ để tiếp thu bài, tiếp thu kiến thức nên chắc chắn khả năng lĩnh hội nội dung bài giảng của các em không thuận lợi.

Ngoài ra các em đều cho rằng sở dĩ học sinh Khmer gặp khó khăn trong tiếp thu kiến thức ở lớp là vì chương trình có quá nhiều từ ngữ khó hiểu, đặc biệt, nội dung chương trình, môn học gần như vượt khỏi khả năng của các em. Nếu so sánh với ý kiến của nhiều học sinh, ở nhiều nơi khác nhau thì rõ ràng ý kiến này hoàn toàn không phải cá biệt. Chương trình giáo dục

nói chung của chúng ta hiện nay có quá nhiều vấn đề bất cập, vừa không đáp ứng được thực tế, vừa không thể phát triển được sau khi học xong phổ thông<sup>(6)</sup>.

Nếu cho rằng vì không đủ từ ngữ để diễn đạt hoặc vì thời gian học ở lớp ít nên các em sử dụng tiếng mẹ đẻ không tốt thì có thể đúng. Nhưng nếu cho rằng không có cơ hội sử dụng đã dẫn đến tình trạng học sinh Khmer tiếp thu bài chưa tốt thì chỉ đúng một phần nhỏ bởi tiếng Khmer là ngôn ngữ mẹ đẻ của các em. Nhưng dù đúng hay sai, tất cả đều cho chúng ta một cách nhìn, cách nhận xét về đối tượng.

Tương tự như trên, theo các em, khó hiểu, không đủ từ ngữ để tiếp thu và không có cơ hội để giao tiếp là những nguyên nhân chính khiến cho học sinh Khmer tiếp thu bài không bằng học sinh người Việt. Đây vừa có thể là một thực tế, lại vừa có thể là một lý do để các em giải thích. Sống giữa một cộng đồng như vậy mà không có điều kiện hay cơ hội để giao tiếp là một vấn đề cần phải xem lại. □

#### CHÚ THÍCH

(1) Theo Niên giám Thống kê tỉnh Sóc Trăng năm 2009, Nxb. Thống kê, 2010.

(2) Theo Niên giám Thống kê tỉnh Trà Vinh năm 2010, Nxb. Thông tin và Truyền thông, 2011.

Thật ra, ở cả hai tỉnh, nhiều nơi có số người Khmer đông hơn những địa phương chúng tôi khảo sát nhưng do người Khmer ở những nơi đó sinh sống không tập trung nên chúng tôi không chọn khảo sát.

(3) Học sinh là người Việt trong các trường dân tộc nội trú thường rất ít, từ 3 đến 5%.

(4) và (5) Ý kiến này của một số học sinh Trường Phổ thông Trung học Dân tộc Nội trú Huỳnh Cương, thành phố Sóc Trăng.

(6) Một cán bộ Trường Dân tộc Nội trú Huỳnh Cương, Sóc Trăng cho chúng tôi biết là học sinh Khmer ở trường này rất khó để có thể hiểu được những gì trong sách giáo khoa, ngoài việc *chỉ học theo cách viết hoặc chép lại để nộp bài*. Một chuyên gia giáo dục thuộc Viện Nghiên cứu Giáo dục trên địa bàn TPHCM nói với chúng tôi rằng chương trình giáo dục ở tất cả các cấp hiện nay “không nói lên được điều gì”. Trao đổi với chúng tôi tại nhà riêng, một nhà nghiên cứu nói rằng “Phải thay đổi nhanh chóng và toàn diện chương trình giáo dục hiện nay vì giáo dục của chúng ta sai một cách hệ thống, cơ bản và toàn diện”. Và ông đã phát biểu ý này tại hội nghị về phát triển giáo dục ở Việt Nam vừa qua.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Audicourt, A.G. 1953. *La place du Vietnamiens dans les Langues Austro – Asiatiques*. Vol. 49 et 138.
2. Cambetfort Gaston. 1950. *Introduction au Cambodgien*. Vol. 8.
3. David Johnson. *Mon-Khmer Studies: The Linguistics circle of Saigon*, 1964, N° 1.
4. Đặng Nghiêm Vạn. 2009. *Cộng đồng quốc gia dân tộc Việt Nam đa tộc người*. TPHCM: Nxb. Đại học Quốc gia.
5. Đào Duy Anh. 2002. *Việt Nam văn hóa sử cương*. Hà Nội: Nxb. Thông tin.
6. Đinh Văn Đức. 1986. *Ngữ pháp tiếng Việt (tự loại)*. Hà Nội: Nxb. Đại học và Trung học chuyên nghiệp.
7. Gérard Diffloth. 2003. *Tiếng Khmer* (Đinh Lê Thư dịch), in trong “Phát triển giáo dục vùng dân tộc Khmer Nam Bộ” của nhiều tác giả. TPHCM: Nxb. Đại học Quốc gia.
8. Hồ Lê. 2007. *Ngôn ngữ và chữ viết các dân tộc ở Việt Nam* (trong “*Lịch sử Việt Nam*”), tập 1. TPHCM: Nxb. Trẻ, tái bản lần 2, 2007.

9. Hoàng Văn Ma. 2002. *Ngôn ngữ dân tộc thiểu số Việt Nam - Một số vấn đề về quan hệ cội nguồn và loại hình học*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
10. L. Finot. *Les Ocritures Laos, France Asie* (BEFEO, TomeXII, inscription Sanskrit de Campa e du Cambodge).
11. Lê Hương. 1969. *Người Việt gốc Miên*. (không có tên nhà xuất bản), tài liệu trong Thư viện Khoa học Xã hội, mang số hiệu Vv.3119.
12. Mai Ngọc Chừ. 2009. *Văn hóa và ngôn ngữ phương Đông*. TPHCM: Nxb. Phương Đông.
13. Mai Ngọc Chừ-Vũ Đức Nghiệu-Hoàng Trọng Phiến. 2003. *Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
14. Nguyễn Tài Cẩn. 1975. *Từ loại danh từ trong tiếng Việt hiện đại*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
15. Nguyễn Thiện Giáp. 2007. *Dẫn luận ngôn ngữ học*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
16. Phan An. 2009. *Dân tộc Khmer Nam Bộ*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
17. Thái Văn Chải. 1992. *Lược sử cổ văn tự Phù Nam-Khmer-Chăm*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
18. Thái Văn Chải. 1997. *Tiếng Khmer* (Ngữ âm-Từ vựng-Ngữ pháp). Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
19. Thái Văn Chải. 2009. *Nghiên cứu chữ viết cổ trên bi ký Đông Dương*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
20. Thái Văn Chải. 2011. *Vài nhận xét về những biến đổi hai cổ ngữ Sanskrit-Pali trong tiếng Khmer Nam Bộ* (Kỷ yếu Hội thảo “Cộng đồng dân tộc Khmer trong quá trình phát triển và hội nhập”). Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Đại học Quốc gia TPHCM.
21. Thomas David (et...). 1966. *The Linguistics Circle of Saigon*, 1966, 12 Vol.
22. Thomas David (et...). 1966-1969. *Mon-Khmer Studies*. Vol. 2 et 3; et Vol. 36, 37, 38.
23. Trường Lưu. 1993. *Văn hóa Khmer Nam bộ*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Dân tộc.
24. Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam. 1983. *Ngữ pháp tiếng Việt*. Hà Nội: Nxb. Đại học và Trung học Chuyên nghiệp.
25. Vương Toàn. 1986. *Chữ viết* (trong “*Ngôn ngữ học: Khuynh hướng - Lĩnh vực - Khái niệm*”). Hà Nội: Viện Thông tin Khoa học Xã hội Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam, tập 2.